

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST

Ngày 29-8-2022

V/v tranh chấp H1 đồng mua bán tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quốc Đạt

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 70/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp H1 đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-DS ngày 09/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Đặng Đình P, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố TB, thị trấn K, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phố B, xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Lê Thị T2, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố TB, thị trấn K, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Hoàng Văn H1, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Phố B, xã AH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn anh Đặng Đình P trình bày:* Gia đình anh có cửa hàng kinh doanh bán gạch ốp lát và thiết bị điện nước. Bà Đặng Thị Đ, có chồng là Hoàng Văn H1 khoảng tháng 7/2021 có nhiều

lần đến gia đình anh mua gạch và thiết bị điện nước về để xây nhà. Các lần mua bán hai bên thỏa thuận miệng có lần trả tiền ngay, có lần chịu hẹn khoảng sau một tháng thì trả tiền, khi mua hàng bà Đ có ký vào hóa đơn bán hàng theo dõi của gia đình anh. Hai bên thực hiện việc giao và nhận hàng đúng chủng loại chất lượng như thỏa thuận. Ngày 02/8/2021 bà Đặng Thị Đ và gia đình anh hai bên đã gặp nhau chốt sổ bà Đ còn nợ số tiền hàng gốc tổng cộng là **48.638.800** đồng. Kể từ đó đến nay anh có đến đòi tiền nhiều lần nhưng bà Đ, ông H1 không trả gia đình anh được đồng nào tiền gốc. Nay anh khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị Đ và chồng là ông Hoàng Văn H1 cùng có trách nhiệm liên đới phải trả gia đình anh số tiền gốc mua hàng còn nợ là **48.638.800** đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/8/2021 hai bên chốt sổ nợ mức lãi suất là 0,83%/tháng đến ngày xét xử số tiền lãi là **5.207.700** đồng. Tổng cả gốc và lãi là **53.846.500** đồng.

Tại phiên tòa anh Đặng Đình P có đơn vẫn giữ nguyên quan điểm trên và xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Đặng Thị Đ trình bày:* Khoảng tháng 7/2021 bà có nhiều lần đến gia đình anh Đặng Đình P mua gạch và thiết bị điện nước về để xây nhà. Các lần mua bán hai bên thỏa thuận miệng có lần trả tiền ngay, có lần chịu lại thỏa thuận khoảng một hoặc hai tháng sau sẽ trả, khi nhận hàng bà có ký vào hóa đơn bán hàng theo dõi của gia đình anh P. Hai bên thực hiện việc giao và nhận hàng đúng chủng loại chất lượng như thỏa thuận. Ngày 02/8/2021 bà và gia đình anh P hai bên gặp nhau chốt sổ tổng số tiền mua hàng gốc bà còn nợ gia đình anh P là **48.638.800 đồng. Kể từ đó đến nay do làm ăn khó khăn bà chưa trả gia đình anh P được đồng nào tiền gốc. Nay anh P khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà cùng có trách nhiệm liên đới phải trả gia đình anh P số tiền gốc mua hàng còn nợ là **48.638.800** đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/8/2021 là ngày hai bên chốt sổ nợ mức lãi suất là 0,83%/tháng đến ngày xét xử. Quan điểm của bà đồng ý trả gia đình anh P số tiền nợ gốc trên nhưng xin trả dần, đối với số tiền lãi bà không đồng ý trả vì giữa hai bên mua bán không thỏa thuận tính lãi.

Tại phiên tòa bà Đặng Thị Đ có đơn vẫn giữ nguyên quan điểm trên và xin xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn chị Lê Thị T2 trình bày:* Chị hoàn toàn nhất trí với lời khai của anh Đặng Đình P là chồng chị đã trình bày trong đơn khởi kiện cũng như trong bản tự khai đã nộp cho Tòa án, chị không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa chị Lê Thị T2 có đơn vẫn giữ nguyên quan điểm trên và xin xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Văn H1 được Tòa án giao và tổng đạt thông báo thụ lý vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông H1 không đến Tòa án làm việc từ chối khai báo.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H1 vắng mặt lần hai không có lý do.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa nguyên đơn anh P, bị đơn bà Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H1 không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, từ chối khai báo, tại phiên tòa ông H1 vắng mặt lần hai không có lý do.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430; Điều 434; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Đình P, đối với bà Đặng Thị Đ về “Tranh chấp H1 đồng mua bán tài sản”.

Buộc bà Đặng Thị Đ và ông Hoàng Văn H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đặng Đình P, số tiền mua hàng gốc còn nợ là **48.638.800** đồng và tiền lãi là **5.207.700** đồng. Tổng cộng là **53.846.500** đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường H1 cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường H1 pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất về nghĩa vụ chậm trả tiền, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của anh Đặng Đình P yêu cầu bà Đặng Thị Đ và chồng là ông Hoàng Văn H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả anh số tiền mua hàng gốc còn nợ là **48.638.800** đồng và yêu cầu bà Đ, ông H1 phải trả tiền lãi từ ngày 02/8/2021 đến ngày xét xử

theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Phía gia đình bà Đ, ông H1 không có đăng ký kinh doanh, HĐXX xác định đây là vụ án “*Tranh chấp H1 đồng mua bán tài sản*”. Tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LG theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-*Về tố tụng*: Tại phiên tòa nguyên đơn anh P, bị đơn bà Đ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị T2 có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H1 vắng mặt lần hai không có lý do. Nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án theo thủ tục chung.

[2]*Về nội dung*: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Đình P, Hội đồng xét xử xét thấy: Tháng 7/2021 bà Đ có nhiều lần đến gia đình anh P mua gạch và thiết bị điện nước về để xây nhà. Các lần mua bán hai bên thỏa thuận miệng có lần trả tiền ngay, có lần chịu lại hẹn một hoặc hai tháng sẽ trả tiền, bà Đ khi mua hàng có ký vào hóa đơn bán hàng theo dõi của gia đình anh P. Hai bên thực hiện việc giao và nhận hàng đúng chủng loại chất lượng như thỏa thuận. Ngày 02/8/2021 hai bên chốt sổ bà Đặng Thị Đ còn nợ tổng số tiền hàng gốc của gia đình anh P là **48.638.800** đồng. Kể từ đó đến nay anh P có đến đòi tiền nhiều lần nhưng bà Đ, ông H1 không trả gia đình anh P được đồng nào tiền gốc và lãi. Do bà Đ ông H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận giữa hai bên nên anh P đã khởi kiện yêu cầu gia đình bà Đ và ông H1 cùng có nghĩa vụ trả số tiền mua hàng còn nợ. HĐXX xét thấy phía bị đơn bà Đ, ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận giữa hai bên là sau một tháng sẽ trả hết số tiền mua hàng. Nay anh P khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị Đ và chồng là ông Hoàng Văn H1 cùng có trách nhiệm liên đới phải trả gia đình anh P số tiền gốc mua hàng còn nợ là **48.638.800** đồng, xét yêu cầu khởi kiện của anh P là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 430, Điều 434, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về yêu cầu tính lãi của anh Đặng Đình P HĐXX xét thấy, quá trình thực hiện H1 đồng mua bán giữa anh Đặng Đình P với gia đình bà Đặng Thị Đ, phía anh P đã giao hàng đầy đủ đúng số lượng, chủng loại và địa điểm như thỏa thuận trong H1 đồng miệng mua bán giữa hai bên. Quá trình thực hiện H1 đồng phía gia đình bà Đặng Thị Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận đã cam kết. Nay phía anh Đặng Đình P yêu cầu gia đình bà Đặng Thị Đ và ông Hoàng Văn H1 chịu khoản tiền lãi suất phát sinh kể từ ngày 02/8/2021 là ngày hai bên chốt sổ đến ngày xét xử theo mức lãi suất 0,83%/tháng đến ngày xét xử là 01 năm 27 ngày, tổng số tiền lãi là **5.207.700** đồng, HĐXX xét thấy yêu cầu tính lãi của anh P do phía bà Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán và mức lãi suất mà anh P yêu cầu là có căn cứ phù H1 với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3]*Về trách nhiệm trả tiền*: Xét thấy việc gia đình bà Đặng Thị Đ và ông Hoàng Văn H1 mua bán hàng hóa thiết bị với anh Đặng Đình P là để xây dựng nhà của gia đình, khi giao dịch mua bán khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn

nhân chung sống giữa bà Đ và ông H1. Căn cứ Điều 27; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bà Đặng Thị Đ và ông Hoàng Văn H1 phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc và lãi là **53.846.500** đồng cho anh Đặng Đình P là phù H1 với quy định của pháp luật.

[4] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường H1 cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường H1 pháp luật có quy định khác.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Đặng Thị Đ, ông Hoàng Văn H1 phải chịu **2.692.300** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đặng Đình P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Đặng Đình P số tiền **1.315.000** đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012925 ngày 08/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430; Điều 434; Điều 440; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Đình P, đối với anh bà Đặng Thị Đ về “Tranh chấp H1 đồng mua bán tài sản”.

Buộc bà Đặng Thị Đ và ông Hoàng Văn H1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đặng Đình P số tiền mua hàng gốc còn nợ là **48.638.800** đồng và tiền lãi là **5.207.700** đồng. Tổng cộng là **53.846.500** đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường H1 cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường H1 pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bà Đặng Thị Đ, ông Hoàng Văn H1 phải chịu **2.692.300** đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đặng Đình P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả anh Đặng Đình P số tiền **1.315.000** đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012925 ngày 08/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trong trường H1 bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Quỳnh Hoa

